

Bản án số: 06/2018/HS-ST

Ngày 25 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Phi Long.
2. Ông Phan Thế Việt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mỹ Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Trương T1, sinh ngày 20/8/1981 tại xã HL, huyện NĐ, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn 1, xã HL, huyện NĐ, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương A và bà Nguyễn Thị H; Có vợ là Hồ Thị N và 02 con, lớn nhất 06 tuổi, nhỏ nhất 02 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không. Từ ngày 05/3/2018 đến nay bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

2. Hoàng T2, sinh ngày 22/6/1988 tại xã HL, huyện NĐ, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn 1, xã HL, huyện NĐ, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng B và bà Nguyễn Thị M; Có vợ là Đoàn Thị Th và 01 con hai tuổi; Tiền án, tiền sự: Không. Từ ngày 05/3/2018 đến nay bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

3. Lê Văn S, sinh ngày 24/01/1983 tại xã HL, huyện NĐ, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn 1, xã HL, huyện NĐ, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn C và bà Nguyễn Thị Th; Có vợ là Nguyễn Thị B và 03 con, lớn

nhất 13 tuổi, nhỏ nhất 01 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không. Từ ngày 05/3/2018 đến nay bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

4. Trần Văn T3, sinh ngày 12/6/1987 tại xã HL, huyện NĐ, tỉnh H; Nơi cư trú: Thôn 1, xã HL, huyện NĐ, tỉnh H; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn K và bà Nguyễn Thị N; Có vợ là Nguyễn Thị Thuý N và 01 con 03 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không. Từ ngày 05/3/2018 đến nay bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Trương Tr, sinh năm: 1991; Trú tại: Thôn 2, xã HL, huyện NĐ, tỉnh H. Có mặt.

+ Chị Cao Thị Ánh H, sinh năm: 1981; Trú tại: Thôn 1, xã HL, huyện NĐ, tỉnh H. Có mặt.

+ Chị Hồ Thị N, sinh năm: 1987; Trú tại: Thôn 1, xã HL, huyện NĐ, tỉnh H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 07 giờ 30 phút, ngày 28/02/2018 Trương T1, sinh năm 1981 cùng với Lê Văn S, sinh năm 1983 rủ nhau đánh bạc bằng hình thức chơi bài “cào tố” (ba cây) được thua bằng tiền tại nhà Trương T1 ở thôn 1, xã HL, huyện NĐ, tỉnh H. Đến khoảng 09 giờ 00 phút cùng ngày Hoàng T2, sinh năm 1988 đến nhà Trương T1 cùng tham gia đánh bài với T1, S. Khoảng 40 phút sau, Trần Văn T3, sinh năm 1987 đến nhà T1 thấy T1, S và T2 đang đánh bài nên T3 vào ngồi xem, khoảng 11 giờ 00 phút thì T3 trực tiếp tham gia đánh bài với T1, S, T2. Hình thức và tỷ lệ ăn thua mỗi ván bài theo quy định của bốn người chơi là đặt “mậu” 20.000 đồng và “tố” tối đa đến 200.000 đồng. Đến 13 giờ 15 phút khi các bị cáo đang chơi thì bị Công an huyện NĐ bắt quả tang, lập biên bản thu giữ tang vật trên chiếu bạc gồm số tiền 8.380.000 đồng (Tám triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) và 01 bộ bài T3 lơ khơ 52 lá dùng để đánh bạc. Qua quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều khai không nhớ chính xác số tiền cụ thể sử dụng vào đánh bạc là bao nhiêu (Trương T1 khai sử dụng hơn 2.000.000 đồng; Lê Văn S khai sử dụng hơn 1.000.000 đồng; Hoàng T2 khai sử dụng hơn 2.000.000 đồng; Trần Văn T3 khai sử dụng hơn 1.000.000 đồng). Số tiền chứng minh được các bị cáo đã sử dụng đánh bạc là 8.380.000 đồng. Số tiền đánh bạc và 01 bộ bài T3 lơ khơ 52 lá đã chuyển cho Cơ quan Thi hành án dân sự huyện NĐ, tỉnh H chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKS-NĐ ngày 29/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố các bị cáo Trương T1, Hoàng T2, Lê Văn S, Trần Văn T3 về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm I, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt:

Trương T1 từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Lê Văn S, Hoàng T2, Trần Văn T3 từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Tịch thu, sung công quỹ nhà nước số tiền 8.380.000; Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 lá.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo không có ý kiến đòi đáp tranh luận gì, mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Nam Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của các bị cáo với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Vào ngày 28 tháng 2 năm 2018 tại nhà Trương T1 ở thôn 1, xã HL, huyện NĐ, tỉnh H các bị cáo Trương T1, Hoàng T2, Lê Văn S và Trần Văn T3 đã có hành vi đánh bạc với hình thức chơi bài “cào tố” được thua bằng tiền mỗi ván bài mỗi người đặt “mậu” 20.000 đồng và “tố” tối đa đến 200.000 đồng và số tiền dùng vào chơi bài là 8.380.000 đồng. Với hành vi nêu trên, các bị cáo Trương T1, Hoàng T2, Lê Văn S và Trần Văn T3 đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến trật tự, nếp sống văn minh của xã hội. Vì vậy, cần thiết phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo tiếp thu ý chí của nhau và cùng thực hành tích cực. Phân hóa vai trò đồng phạm thì thấy rằng, bị cáo Trương T1 là người đánh bạc và

cho đánh bạc trái phép tại nhà ở của mình, do vậy vị trí vai trò của bị cáo Trương T1 cao hơn so với các bị cáo còn lại. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ND, bản luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy: Các bị cáo không phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đều có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là lao động chính trong gia đình và con của các bị cáo đang còn nhỏ là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xét thấy, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, sau khi cân nhắc tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát và giáo dục là đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về phần xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 8.380.000 đồng và tịch thu, tiêu huỷ 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 lá.

[6] Về án phí: Các bị cáo Trương T1, Hoàng T2, Lê Văn S và Trần Văn T3 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65; điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Trương T1, Hoàng T2, Lê Văn S và Trần Văn T3 phạm tội “Đánh bạc”. Xử phạt:

Trương T1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hoàng T2 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Lê Văn S 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trần Văn T3 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trương T1, Hoàng T2, Lê Văn S và Trần Văn T3 cho Ủy ban nhân dân xã Hương Lộc, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 8.380.000 đồng (*Tám triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng*).

Tịch thu, tiêu hủy 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 lá.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Trương T1, Hoàng T2, Lê Văn S và Trần Văn T3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- Viện kiểm nhân dân huyện Nam Đông;
- Cơ quan Điều tra CA huyện Nam Đông ;
- Cơ quan THAHS CA huyện Nam Đông ;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông ;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA; án văn.

Hồ Minh Thước